

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bảng điểm các Khối thi đua thuộc tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng năm 2003;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2005;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2983/TTr-SNV ngày 31 tháng 10 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng điểm các Khối thi đua thuộc tỉnh Ninh Thuận. Bảng điểm thi đua là căn cứ đánh giá xếp hạng thi đua hàng năm các Khối thi đua tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể ngày *01* tháng 11 năm 2017 và thay thế Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bảng điểm các khối thi đua thuộc tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban TĐKT Trung ương;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- CQTW, DN thuộc Khối thi đua tỉnh;
- TT.HĐND các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PVP;
- Lưu: VT, KGVX. PD

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh

BẢNG ĐIỂM CÁC KHỐI THI ĐUA THUỘC TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 114/2017/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. BẢNG ĐIỂM THI ĐUA KHỐI CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ
I. Thực hiện các chỉ tiêu chính về phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng an ninh: 750 điểm

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kết quả			Điểm chuẩn đạt 100% kế hoạch
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Tổng thu ngân sách	tỷ đồng				100
2	Xây dựng nông thôn mới:					80
2a	Các xã thuộc các huyện: - Có kế hoạch triển khai trong quý I hàng năm; - Đạt các nội dung, tiêu chí, tiến độ theo kế hoạch; - Có nội dung sáng tạo, mô hình hay có hiệu quả (được Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh công nhận).					80 10 50 20
2b	Xây dựng phát triển đô thị (thành phố PR-TC) - Có kế hoạch xây dựng phát triển đô thị hàng năm; - Làm tốt công tác quy hoạch và quản lý trật tự xây dựng đô thị; - Xây dựng đô thị xanh, sạch, đẹp đạt theo các nội dung, lộ trình kế hoạch đề ra.					80 10 30 40
3	Giảm tỷ suất sinh	‰				20
4	Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới	%				45
5	Giải quyết việc làm: - Số lao động được tạo việc làm mới; - Số lao động mới đã qua đào tạo.	nghìn người				45 25 20
6	Thực hiện cải cách hành chính: - Thực hiện tốt; - Thực hiện khá; - Thực hiện trung bình; - Thực hiện yếu.					100 100 70 50 00
7	Thực hiện đánh giá, phân loại CBCCVN theo quy định và báo cáo đúng thời gian.					20
8	Thực hiện đánh giá, xếp loại hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở vững mạnh hằng năm và báo cáo theo quy định.					10

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kết quả			Điểm chuẩn đạt 100% kế hoạch
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
9	Giáo dục - Đào tạo:					50
	- Nâng cao chất lượng giáo dục (Tiểu học, THCS):					20
	+ Tỷ lệ huy động học sinh tiểu học trong độ tuổi đến trường;	%				10
	+ Giảm tỷ lệ học sinh bỏ học các cấp so với năm trước.	%				10
	- Số trường đạt chuẩn quốc gia;	Trường				15
	- Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập THCS và phổ cập THPT.					15
10	Y tế:					40
	- Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (so với kế hoạch);	%				30
	- Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng theo chương trình quốc gia (so với kế hoạch).	%				10
11	Văn hoá, thể thao, du lịch:					40
	- Số thôn, khu phố công nhận đạt tiêu chuẩn văn hoá:	Thôn, khu phố				20
	+ Đạt 100%;					20
	+ Dưới 100% (số điểm chuẩn x số % đạt được).					10
- Làm tốt công tác quản lý Nhà nước về các hoạt động văn hoá thể thao, du lịch, phát triển các phong trào văn hoá văn nghệ quần chúng, phong trào thể dục thể thao:					20	
+ Tốt;					20	
+ Khá.					10	
12	An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:					80
	a) Giữ gìn tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:					60
	- Giảm số vụ cháy nổ và mức độ thiệt hại so với năm trước;					10
	- Giảm số vụ phạm pháp hình sự so với năm trước, không có trọng án;					10
	- Giảm tai nạn giao thông so với năm trước trên cả ba mặt: số vụ, số người chết, số người bị thương:					40
	+ Giảm cả 3 mặt;					40
	+ Giảm cả 2 mặt.					30
b) Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:					20	

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kết quả			Điểm chuẩn đạt 100% kế hoạch
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
	- Tốt; - Khá; - Trung bình.					20 15 10
13	Quốc phòng:					40
	-Thực hiện tuyển quân đạt chỉ tiêu không có quân đào ngũ, chống lệnh: + Đạt chỉ tiêu nhưng có quân đào ngũ hoặc chống lệnh; + Không đạt chỉ tiêu.					10 7 0
	-Xây dựng lực lượng DQTV và dự bị động viên: + Tốt; + Khá.					10 10 7
	-Công tác huấn luyện, diễn tập, trực sẵn sàng chiến đấu: + Tốt; + Khá.					10 10 7
	- Giáo dục bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng đạt chỉ tiêu kế hoạch: + Tốt; + Khá.					10 10 7
14	Xã, phường, thị trấn thực hiện quy chế dân chủ cơ sở - Tốt; - Khá; - Đạt.	Xã, phường, thị trấn				30 30 20 10
15	Xây dựng TCCS Đảng vững mạnh (so với kế hoạch): - Số TCCS Đảng trực thuộc đạt trong sạch vững mạnh; - Số TCCS Đảng đạt khá; - Số TCCS Đảng đạt trung bình; - Số TCCS Đảng yếu kém.	Chi bộ, đảng bộ cơ sở				50

Cách tính điểm:

1. Chỉ tiêu (1): Nếu vượt kế hoạch năm thì cứ 1% vượt được cộng 05 điểm, không đạt thì cứ 1% giảm trừ 05 điểm.

2. Chỉ tiêu (3), (4), (5), (9), (10), (11):

Số điểm đạt được = điểm chuẩn x số % đạt được

Công thức tính số % đạt được cụ thể như sau:

* Đối với tiêu chí tính ngược (số thực hiện thấp hơn so với kế hoạch là vượt kế hoạch): Giảm số phạm pháp hình sự; An toàn giao thông,....

Công thức tính: Số % đạt được = $200\% - (TH/KH) * 100\%$

Trong đó: TH là kết quả thực hiện, KH là kế hoạch.

* Đối với tiêu chí còn lại

Công thức tính: Số % đạt được = $(TH/KH) * 100\%$

Lưu ý: Đối với trường hợp kết quả thực hiện dưới 50% thì chấm 0 điểm.

3. Chỉ tiêu (6): Theo đánh giá kết quả xếp loại cải cách hành chính trong năm của tỉnh để chấm điểm tương ứng.

4. Chỉ tiêu (7): Gửi báo cáo không đúng thời gian quy định (cứ 1 quý trừ 2 điểm; báo cáo năm trừ 05 điểm).

5. Chỉ tiêu (8): Gửi báo cáo không đúng thời gian quy định (trừ 05 điểm).

6. Chỉ tiêu (15): Tăng 01% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh so kế hoạch cộng 05 điểm, giảm 01% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh so kế hoạch trừ 05 điểm; tăng 01% tổ chức cơ sở Đảng trung bình so kế hoạch trừ 10 điểm. Có tổ chức cơ sở đảng yếu kém: Không xét khen thưởng.

7. Huyện, thành phố trong năm có 01 học sinh giỏi cấp tỉnh được cộng 02 điểm, 01 học sinh giỏi quốc gia được cộng 10 điểm, quốc tế được cộng 15 điểm, 01 học sinh đỗ thủ khoa các trường đại học trong nước được cộng 10 điểm.

8. Huyện, thành phố trong năm đạt giải (không phân biệt thứ hạng, tập thể, cá nhân) trong các giải thi đấu thể thao quần chúng (theo Thông tư số 09/2012/TT-BVHTTDL ngày 19/11/2012 của Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức thi đấu thể thao quần chúng): Cấp tỉnh được cộng 02 điểm, cấp toàn quốc được cộng 05 điểm, cấp quốc tế được cộng 10 điểm.

9. Huyện, thành phố trong năm đạt giải (không phân biệt thứ hạng, tập thể, cá nhân) trong các giải thi đấu thành tích cao (theo Điều 37 Luật thể dục thể thao): Cấp tỉnh: cộng 04 điểm; cấp quốc gia: cộng 10 điểm; Quốc tế: cộng 20 điểm.

II. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng: 250 điểm

STT	Nội dung	Điểm
1	Ban hành văn bản chỉ đạo, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng	50
	- Triển khai kịp thời, có hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua-Khen thưởng tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng;	15
	- Có ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Cấp ủy, UBND cấp huyện (Chỉ thị, Quy chế, Qui định...) về công tác thi đua, khen thưởng;	15
	- Có qui chế hoạt động của Hội đồng Thi đua-Khen thưởng cấp huyện;	10
	- Thành lập, có quy chế hoạt động của Hội đồng Sáng kiến cấp huyện.	10
2	Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua	50
	- Có kế hoạch triển khai, thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do tỉnh phát động (15 điểm);	25
	- Thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” (10 điểm);	
	- Phát động, triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua thường	10

STT	Nội dung	Điểm
	xuyên, theo đợt, chuyên đề (có kế hoạch, chủ đề, nội dung, tiêu chí thi đua cụ thể, tổ chức phát động, ký giao ước thi đua);	
	- Tổ chức tốt hoạt động Cụm thi đua thuộc cấp huyện và tham gia thực hiện hoạt động Khối thi đua của tỉnh;	10
	- Có sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của phong trào thi đua.	05
3	Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến	30
	- Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc phát hiện và nhân rộng điển hình tiên tiến:	10
	+ Xây dựng kế hoạch cụ thể việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến;	05
	+ Có điển hình, mô hình mới, tiêu biểu được biểu dương, tuyên truyền.	05
	- Có chương trình phối hợp với cơ quan báo, đài để tuyên truyền và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến	10
	- Có hình thức trong tuyên truyền, tổng kết, nhân rộng điển hình:	10
	+ Tổ chức Hội nghị biểu dương hoặc các hình thức khác để biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến;	06
	+ Kết quả có nhiều gương điển hình tiên tiến được nhân rộng.	04
4	Công tác khen thưởng	50
	- Thẩm định hồ sơ khen thưởng đúng qui định pháp luật;	30
	- Có tỷ lệ khen thưởng cho tập thể, người lao động trực tiếp, hướng về cơ sở tăng so với năm trước;	15
	- Có triển khai việc phát hiện khen thưởng.	05
5	Công tác kiểm tra về thi đua, khen thưởng	15
	- Có kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát về thi đua, khen thưởng;	05
	- Có văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 19/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh phòng chống tiêu cực trong công tác quản lý công chức viên chức và thi đua, khen thưởng.;	05
	- Giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng qui định và gửi kết quả về Ban Thi đua-Khen thưởng tỉnh.	05
	+ Thực hiện tốt (Không có đơn thư phản ánh, khiếu nại tố cáo hoặc có đơn thư phản ánh khiếu nại tố cáo, đã được giải quyết kết luận khiếu nại tố cáo không đúng sự thật);	05
	+ Thực hiện chưa tốt (Có khiếu nại tố cáo): Đã giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định và gửi kết quả về Ban Thi đua-Khen thưởng tỉnh;	03
	+ Thực hiện chưa tốt (Có khiếu nại tố cáo): Đã giải quyết hoặc chưa giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định và không gửi kết quả về Ban Thi đua-Khen thưởng tỉnh.	00
6	Tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng và đào tạo bồi dưỡng	30
	- Bố trí công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng theo quy định (cấp huyện; kiêm nhiệm ở cấp xã)	20
	- Bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng:	10
	+ Có tổ chức bồi dưỡng, tập huấn;	05
	+ Tham gia tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng do tỉnh tổ chức;	05

STT	Nội dung	Điểm
7	Chế độ thông tin báo cáo	25
	- Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định;	10
	- Nộp hồ sơ trình khen thưởng kịp thời, đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định;	10
	- Nhận và cấp phát hiện vật khen thưởng kịp thời.	05

Cách tính điểm:

1. Chấm điểm tối đa nếu các chỉ tiêu đạt yêu cầu chỉ đạo của tỉnh đạt 100%.
2. Chấm 2/3 số điểm nếu các nội dung triển khai đạt từ 70 % đến dưới 100%.
3. Chấm 1/3 số điểm nếu các chỉ tiêu đạt trên 50% đến dưới 70%.
4. Chấm không điểm nếu có nội dung không thực hiện hoặc có thực hiện nhưng chưa đạt 50%.
5. Hồ sơ khen thưởng bị trả do chưa đúng quy định thì trừ 05 điểm/hồ sơ.
6. Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất:
 - + Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, nhưng không đúng hạn theo quy định (do lỗi khách quan): chấm 05 điểm;
 - + Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, nhưng không đúng hạn theo quy định (do lỗi chủ quan): chấm 00 điểm;
 (Căn cứ xác định: Tính thời gian gửi theo dấu bưu điện nơi gửi đi hoặc theo dấu nhận văn bản đến của cơ quan thực hiện báo cáo)

B. BẢNG ĐIỂM THI ĐUA KHỎI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

I. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và xây dựng đơn vị: 750 điểm

ST T	CHỈ TIÊU	Kết quả			Điểm chuẩn đạt 100% KH
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu tỉnh giao				250
2	Thực hiện công tác quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực: - Tham mưu kịp thời có chất lượng, hiệu quả cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh ban hành văn bản để chỉ đạo điều hành; - Thực hiện kịp thời có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Bộ ngành cấp trên, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; - Thực hiện tốt công tác kiểm tra và quản lý Nhà nước các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý; cơ chế phối hợp giữa các ngành.				150
					50
					50
3	Thực hiện công tác cải cách hành chính: - Thực hiện tốt; - Thực hiện khá;				100
					100
					70

ST T	CHỈ TIÊU	Kết quả			Điểm chuẩn đạt 100% KH
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
	- Thực hiện trung bình; - Thực hiện yếu.				50 00
4	Đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở: - Tốt; - Khá; - Trung bình; - Yếu.				50 35 25 00
5	Thực hiện đánh giá, phân loại CBCCVV theo quy định và báo cáo đúng thời gian quy định. (Đối với các đơn vị ngành dọc thực hiện theo quy định của ngành)				20
6	Xây dựng cơ quan công sở văn minh, xanh, sạch, đẹp, an toàn. - Tốt; - Khá; - Trung bình; - Yếu.				50 35 25 00
7	Tổ chức triển khai học tập, chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của tỉnh.				50
8	Phân loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng: - TCCS Đảng trong sạch vững mạnh; - TCCS Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ; - TCCS Đảng hoàn thành nhiệm vụ; - TCCS Đảng yếu kém.				80 80 60 40 00

Cách tính điểm:

1. Chỉ tiêu (1), (2): nếu hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch và có từ 1/3 số chỉ tiêu trở lên vượt thì cộng thêm 10% điểm chuẩn, vượt 2/3 chỉ tiêu thì cộng thêm 20% điểm chuẩn.

- Chỉ tiêu (1): nếu hoàn thành 100% chỉ tiêu chấm 250 điểm, nếu đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu chấm 200 điểm, nếu đạt từ 70% đến dưới 90% chấm 150 điểm, nếu đạt từ 50% đến dưới 70% chấm 100 điểm, dưới 50% chấm 00 điểm.

- Chỉ tiêu (2): nếu thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước theo ngành thì chấm 100% điểm chuẩn, khá chấm 80% điểm chuẩn, trung bình chấm 50% điểm chuẩn (từng nội dung).

- Chỉ tiêu (3): Theo đánh giá kết quả xếp loại cải cách hành chính trong năm của tỉnh để chấm điểm. Đơn vị ngành dọc thực hiện theo quy định của ngành.

2. Chỉ tiêu (5): Gửi báo cáo không đúng thời gian quy định (cứ 01 quý thì trừ 02 điểm; báo cáo năm trừ 05 điểm).

3. Chỉ tiêu (7): Nếu có nội dung thực hiện không đúng quy định: trừ 5 điểm.

4. Chỉ tiêu (8): Tổ chức cơ sở Đảng yếu kém không khen thưởng.

II. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng: 250 điểm

STT	Nội dung	Kết quả			Điểm chuẩn đạt 100% kế hoạch
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Ban hành văn bản để chỉ đạo, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng				50 điểm
	- Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng;				15
	- Có ban hành văn bản chỉ đạo của cơ quan, đơn vị (Quy chế, Quy định...) về công tác thi đua, khen thưởng;				15
	- Có quy chế hoạt động Hội đồng Thi đua-Khen thưởng;				10
	- Thành lập và có quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến.				10
2	Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua				50
	- Có kế hoạch triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do tỉnh phát động. Phối hợp triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua do trung ương phát động;				15
	- Tham gia, thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới".				10
	- Phát động, triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua thường xuyên, theo đợt, chuyên đề (có kế hoạch, chủ đề, nội dung, tiêu chí thi đua cụ thể, tổ chức phát động, ký giao ước thi đua).				10
	- Chỉ đạo, tổ chức tốt hoạt động Cụm thi đua (nếu có) và tham gia thực hiện hoạt động Khối thi đua của tỉnh.				10
	- Có sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của phong trào thi đua.				05
3	Phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến				30
	- Xây dựng kế hoạch phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến;				5
	- Có điển hình, mô hình mới, tiêu biểu được biểu				5

STT	Nội dung	Kết quả			Điểm chuẩn đạt 100% kế hoạch
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
	đương, tuyên truyền;				
	- Thực hiện tốt phổ biến và nhân rộng điển hình tiên tiến;				10
	- Tổ chức Hội nghị biểu dương hoặc các hình thức khác để biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến.				10
4	Công tác khen thưởng				50
	- Thẩm định hồ sơ khen thưởng đúng quy định pháp luật;				30
	- Có tỷ lệ khen thưởng cho tập thể nhỏ, người lao động trực tiếp đảm bảo tỷ lệ 50% trở lên; (thường 02 điểm cho các cơ quan, đơn vị đạt tỷ lệ từ 65% trở lên so với tổng số cá nhân được khen thưởng cấp tỉnh: 15 điểm + 02 điểm)				15
	- Có triển khai việc phát hiện khen thưởng.				05
5	Công tác kiểm tra về thi đua, khen thưởng				15
	- Có kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát về thi đua, khen thưởng;				05
	- Có văn bản triển khai thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 19/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phòng chống tiêu cực trong công tác quản lý công chức viên chức và thi đua, khen thưởng;				05
	- Giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định và gửi kết quả về Ban Thi đua-Khen thưởng tỉnh.				05
	+ Thực hiện tốt (Không có đơn thư phản ánh, khiếu nại tố cáo hoặc có đơn thư phản ánh khiếu nại tố cáo, đã được giải quyết kết luận khiếu nại tố cáo không đúng sự thật);				05
	+ Thực hiện chưa tốt (Có khiếu nại tố cáo): Đã giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định và gửi kết quả về Ban Thi đua-Khen thưởng tỉnh;				03
	+ Thực hiện chưa tốt (Có khiếu nại tố cáo): Đã giải quyết hoặc chưa giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định và không gửi kết quả về Ban Thi đua-Khen thưởng tỉnh.				00
6	Tổ chức bộ máy làm công tác TĐKT và đào tạo bồi dưỡng				30
	- Tổ chức, bộ máy (Có quyết định):				20
	+ Thủ trưởng đơn vị là Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;				10
	+ Bố trí công chức, viên chức phụ trách công tác thi đua, khen thưởng.				10

STT	Nội dung	Kết quả			Điểm chuẩn đạt 100% kế hoạch
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
	- Bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng; + Có tổ chức bồi dưỡng, tập huấn (Cơ quan có trên 03 đơn vị trực thuộc); + Tham gia tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng do tỉnh tổ chức.				10
					05
					05
7	Chế độ thông tin báo cáo				25
	- Nộp báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định;				10
	- Nộp hồ sơ trình khen thưởng kịp thời, đủ thành phần hồ sơ, đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định;				10
	- Nhận và cấp phát hiện vật khen thưởng kịp thời.				05

Cách tính điểm: Áp dụng như huyện, thành phố.

C. BẢNG ĐIỂM THI ĐUA KHỎI CÁC CƠ QUAN ĐẢNG

I. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và xây dựng đơn vị: 750 điểm

ST T	Chỉ tiêu	Kết quả			Điểm chuẩn đạt 100% kế hoạch
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu Tỉnh ủy giao.				270
2	Thực hiện công tác quản lý chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ - Tham mưu kịp thời có chất lượng, hiệu quả cho Tỉnh ủy ban hành các văn bản để chỉ đạo điều hành; - Thực hiện kịp thời có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy; - Thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý.				150
					50
					50
3	Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính: - Xây dựng các công trình, đề án, dự án cấp tỉnh, nâng cao chất lượng hiệu quả công việc; - Có sáng kiến cải tiến công tác, đổi mới phương pháp quản lý được Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh công nhận.				80
					40
					40
4	Đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, thực hành				70

	tiết kiệm và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở: - Tốt; - Khá; - Trung bình; - Yếu.								
									70
									50
									30
									00
5	Xây dựng cơ quan công sở văn minh, xanh, sạch, đẹp, an toàn.								50
6	Tổ chức triển khai học tập, chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của tỉnh; công tác bình đẳng giới..								50
7	Phân loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng: - TCCS Đảng trong sạch vững mạnh; - TCCS Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ; - TCCS Đảng hoàn thành nhiệm vụ; - TCCS Đảng yếu kém.								80 80 60 40 00

Cách tính điểm:

1. Chỉ tiêu (1): Hoàn thành tất cả chỉ tiêu kế hoạch được giao và có từ 1/3 chỉ tiêu trở lên vượt thì cộng thêm 20% điểm chuẩn. Nếu hoàn thành 100% chỉ tiêu chấm 270 điểm, nếu đạt 90% đến dưới 100% chỉ tiêu chấm 220 điểm, nếu đạt từ 70% đến dưới 90% chấm 170 điểm, nếu đạt từ 50% đến dưới 70% chấm 120 điểm, dưới 50% chấm 00 điểm.

2. Chỉ tiêu (2), (3): Nếu tốt chấm điểm chuẩn, khá chấm 80% điểm chuẩn, trung bình chấm 50% điểm chuẩn. Thủ trưởng cơ quan trong năm nếu vắng một buổi họp mà không được cấp thẩm quyền chấp nhận: trừ 05 điểm, dự họp không đúng thành phần mỗi 01 lần trừ 03 điểm.

3. Các chỉ tiêu (5), (6): Nếu đạt tốt thì chấm điểm chuẩn, khá thì bằng 2/3 điểm chuẩn, trung bình bằng 1/2 điểm chuẩn.

4. Chỉ tiêu (7): Tổ chức cơ sở Đảng yếu kém không khen thưởng.

I. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng: 250 điểm (áp dụng như sở, ban, ngành tỉnh)

D. BẢNG ĐIỂM THI ĐUA KHỎI MẶT TRẬN VÀ ĐOÀN THỂ

I. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và xây dựng đơn vị: 750 điểm

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu thi đua	Kết quả			Điểm chuẩn đạt 100% kế hoạch
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch hoạt động đã đăng ký với Tỉnh ủy, Ủy				270

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu thi đua	Kết quả			Điểm chuẩn đạt 100% kế hoạch
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
	<p>ban nhân dân tỉnh và do Trung ương Mặt trận, các đoàn thể chỉ đạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành tất cả chỉ tiêu theo kế hoạch và trong đó có 1/3 chỉ tiêu vượt thì cộng thêm 20%; - Hoàn thành 100% các chỉ tiêu nhiệm vụ; - Hoàn thành 70% các nhiệm vụ, chỉ tiêu trở lên; - Hoàn thành 50% đến dưới 70% các nhiệm vụ, chỉ tiêu. 				324
2	<p>Xây dựng và củng cố hệ thống tổ chức từ tỉnh đến cơ sở hoạt động hiệu quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình và củng cố hệ thống chính trị: <ul style="list-style-type: none"> + Có dưới 9% cơ sở xếp trung bình, số còn lại đạt khá và vững mạnh, trong đó vững mạnh phải đạt từ 70% cơ sở trở lên và số cơ sở yếu kém dưới 0,1%; + Có từ 10% cơ sở trở xuống xếp loại trung bình, số còn lại đạt khá và vững mạnh (trong đó số TSVM đạt từ 70% trở lên); + Có 15% cơ sở trở xuống xếp loại trung bình, số còn lại đạt khá và vững mạnh. - Có mô hình và nhân tố mới được cấp có thẩm quyền công nhận (Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh) 				180
3	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp, quy chế hoạt động; thực hiện chế độ sinh hoạt, hội họp theo đúng quy định do Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể tổ chức; - Xây dựng nhưng không thực hiện nghiêm quy chế hoạt động trong nội bộ và quy chế phối hợp với các đơn vị khác; - Không xây dựng quy chế phối hợp và quy chế hoạt động. 				50
4	Xây dựng cơ quan công sở văn minh, xanh, sạch, đẹp, an toàn.				30
5	<p>Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt; - Khá; 				50
					50
					40

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu thi đua	Kết quả			Điểm chuẩn đạt 100% kế hoạch
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
	- Trung bình.				30
6	Tổ chức triển khai học tập, chấp hành nghiêm chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và các quy định của địa phương.				50
7	Phân loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng: - TCCS Đảng trong sạch vững mạnh; - TCCS Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ; - TCCS Đảng hoàn thành nhiệm vụ; - TCCS Đảng yếu kém.				100 100 75 50 00

II. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng: 250 điểm (áp dụng như sở, ban, ngành)

D. BẢNG ĐIỂM THI ĐUA KHỎI CÁC DOANH NGHIỆP TỈNH

I. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và xây dựng đơn vị: 750 điểm

ST T	Chỉ tiêu	Kết quả			Điểm chuẩn đạt 100% kế hoạch
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
1	Tốc độ tăng trưởng doanh thu (%)				100
2	Lợi nhuận.				100
3	Nộp ngân sách.				100
4	Đầu tư phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho người lao động: - Tăng thu nhập cho người lao động (không bao gồm tăng do chính sách lương tối thiểu theo Nghị định của Chính phủ); - Đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới thiết bị, công nghệ mới mang lại hiệu quả thiết thực.				80 30 50
5	Doanh nghiệp có nhiều lao động nữ.				20
6	Giải quyết việc làm cho người lao động.				10

ST T	Chỉ tiêu	Kết quả			Điểm chuẩn đạt 100% kế hoạch
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	
7	Chấp hành pháp luật về lao động: - Bảo đảm chế độ tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động theo quy định của pháp luật; - Ký kết thoả ước lao động ngay từ đầu năm; - Thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm đối với người lao động; - Thực hiện quy định về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.				100
					30
					20
					25
8	Chấp hành tốt các qui định về bảo vệ môi trường sinh thái.				50
9	Công tác quy chế dân chủ cơ sở: - Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở: + Tốt; + Khá; + Trung bình; - Tổ chức Hội nghị công chức viên chức, người lao động, Đại hội cổ đông hằng năm theo quy định.				60
					40
					40
					25
10	Tham gia đóng góp đầy đủ các quỹ xã hội do tỉnh phát động.				40
11	Xây dựng doanh nghiệp văn minh, xanh, sạch, đẹp, an toàn.				40
12	Phân loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng: - TCCS Đảng trong sạch vững mạnh; - TCCS Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ; - TCCS Đảng hoàn thành nhiệm vụ; - TCCS Đảng yếu kém.				50
					50
					40
					25
				00	

Cách tính điểm:

- Chi tiêu (1): Nếu vượt 1% KH cộng 2 điểm, thấp hơn 1% KH trừ 2 điểm.
- Chi tiêu (2): Nếu vượt 1% KH cộng 2 điểm, thấp hơn 1% KH trừ 4 điểm.
- Chi tiêu (3): Nếu vượt 1% KH cộng 2 điểm, thấp hơn 1% KH trừ 10 điểm.
- Chi tiêu (5): Có số lao động nữ >50% tổng số người lao động thì chấm điểm chuẩn; từ 30% đến dưới 50% thì chấm 15 điểm; từ 10% đến dưới 30% chấm 10 điểm; dưới 10% chấm 05 điểm.
- Các chỉ tiêu (4), (6), (7), (8): Số điểm đạt được = điểm chuẩn x số % đạt được /

(Số % đạt được = (TH/KH)*100%).

6. Chỉ tiêu (12): Tổ chức cơ sở Đảng yếu kém không khen thưởng.

II. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng: 250 điểm (áp dụng như sở, ban, ngành tỉnh)

E. BẢNG ĐIỂM THI ĐUA KHỐI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRUNG ƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và xây dựng đơn vị: 750 điểm

1. Đơn vị doanh nghiệp: chấm điểm theo bảng điểm khối thi đua doanh nghiệp tỉnh (các tiêu chí tính theo cơ quan chủ quản giao).

2. Đơn vị quản lý Nhà nước, sự nghiệp: chấm điểm theo bảng điểm khối thi đua sở ban ngành tỉnh (các tiêu chí tính theo cơ quan chủ quản giao).

II. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng: 250 điểm (áp dụng như sở, ban, ngành tỉnh)

G. MỘT SỐ ĐIỂM CHÚ Ý TRONG ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG THI ĐUA

I. Điểm bình chọn suy tôn đề nghị tặng Cờ Thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh:

Đạt từ 1000 điểm trở lên: Được xem xét đưa vào danh sách để bình chọn suy tôn đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

II. Không xét khen thưởng các trường hợp sau:

1. Để xảy ra lãng phí, tham nhũng gây thiệt hại, thất thoát tài sản của Nhà nước, vi phạm quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Không thực hiện đăng ký thi đua với Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Không thực hiện chế độ báo cáo thi đua theo quy định.

4. Không tổ chức tổng kết công tác thi đua, khen thưởng theo quy định.

5. Thực hiện nhiệm vụ được giao chưa kịp tiến độ hoặc chưa đảm bảo chất lượng để Chủ tịch UBND tỉnh phê bình bằng văn bản.

6. Để xảy ra điểm nóng ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

7. Đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo; vi phạm chế độ sinh đẻ có kế hoạch; vi phạm Luật Giao thông mà cơ quan có thẩm quyền thông báo về cơ quan đơn vị. Có cá nhân, tập thể bị cấp trên phê bình, kiểm điểm rút kinh nghiệm.

8. Cơ quan mất an toàn (để mất tài sản, cháy nổ, tai nạn lao động chết người).

9. Vi phạm kỷ luật kỷ cương hành chính theo Chỉ thị số 57-CT/TU ngày 03/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Đối với tập thể: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Chương II Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Nếu tập thể có vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 6 Chương II Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh, chiếm tỷ lệ từ 10% trở xuống: Thì trừ 01 điểm tương ứng với tỉ lệ 1% vi phạm (trong tổng điểm chung).

- Đối với trách nhiệm Người đứng đầu cơ quan, đơn vị: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Chương II Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

III. Hạ một bậc khi xếp hạng thi đua, khen thưởng:

1. Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, không có văn bản đăng ký chương trình công tác trọng tâm hằng năm gửi Văn phòng UBND tỉnh và Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) và không triển khai chương trình trọng tâm đã đăng ký đối với đơn vị trực thuộc hoặc trong cán bộ, công chức, viên chức.

2. Không tổ chức phát động thi đua; kiểm tra đôn đốc thực hiện phong trào thi đua.

3. Không tham gia ký kết giao ước thi đua hoặc có ký kết giao ước thi đua nhưng người ký kết không đúng thẩm quyền.

4. Không có báo cáo thi đua định kỳ.

5. Không tổ chức sơ kết thi đua theo quy định;

6. Không tham gia họp khối thi đua.

7. Không có kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng (đối với cấp huyện và các sở ngành có từ 10 đơn vị trực thuộc trở lên).

8. Thực hiện công tác giải ngân đối với các chương trình, dự án (đạt < 70%).

H. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ XẾP HẠNG THI ĐUA

1. Về quy trình đánh giá xếp hạng:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện, kết thúc năm công tác, từng cơ quan ban ngành, huyện, thành phố tự đánh giá chấm điểm theo nội dung bảng điểm và gửi cho Trưởng khối Thi đua để tổng hợp chung.

- Trưởng khối Thi đua tổ chức kiểm tra chéo và chấm điểm từng đơn vị thuộc khối. Tổ chức họp các đơn vị trong khối; thông qua bảng điểm; thảo luận bình chọn suy tôn đơn vị có điểm số cao nhất đề nghị tặng Cờ thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh (Từ điểm chuẩn).

* Đối với Khối chỉ chọn 01 đơn vị dẫn đầu để đề nghị tặng “Cờ thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh”, thì:

+ Chọn đơn vị có điểm số cao nhất bỏ phiếu suy tôn tặng Cờ thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh (Từ điểm chuẩn).

+ Nếu có 02 đơn vị (hoặc hơn) có số điểm bằng nhau (từ điểm chuẩn) sẽ tiến hành bỏ phiếu để chọn đơn vị dẫn đầu.

- Đơn vị được đề nghị tặng Cờ thi đua UBND tỉnh phải đạt được từ 70% số phiếu đồng ý trong tổng số đơn vị thuộc Khối.

- Thẩm quyền bỏ phiếu khen thưởng là Lãnh đạo (Trưởng hoặc Phó các đơn vị). (Trường hợp lãnh đạo đơn vị vắng mặt thì đơn vị đó không được xem xét bình chọn khen thưởng).

* Đối với các Khối thi đua được bình chọn 02 đơn vị dẫn đầu đề nghị tặng “Cờ thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh”, áp dụng theo nguyên tắc trên.

* Lưu ý khi các đơn vị có số điểm bằng nhau (từ điểm chuẩn) sẽ tiến hành bỏ phiếu để chọn đơn vị dẫn đầu, cần xem xét các tiêu chí phụ sau để làm tiêu chí loại dần trong danh sách bình chọn Cờ thi đua UBND tỉnh:

+ Có cá nhân vi phạm kỷ luật kỷ cương hành chính;

+ Vi phạm quy chế phối hợp trong đóng góp ý kiến, xây dựng văn bản giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận từ 03 lần trở lên.

- Trưởng khối báo cáo kết quả họp xét đánh giá chấm điểm bằng văn bản về Ban Thi đua-Khen thưởng tỉnh.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng: Có trách nhiệm tổng hợp, thẩm định thành tích và trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh họp xét duyệt đồng thời thông báo kết quả đến các cơ quan Sở, ban ngành, huyện, thành phố thuộc các khối thi đua tỉnh./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
SHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh